

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2023/HSST
Ngày: 07/12/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Thị Thu Thủy.

2. Ông Bùi Văn Mão.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Quỳnh Anh, Thư ký - Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Mai Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 134/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2023; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2023/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và Tên: **Phạm Xuân H**, (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh năm 1996, tại Ninh Bình; Nơi cư trú: Tổ dân phố G, phường Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Trình độ văn hoá: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Văn Q và bà Nguyễn Thị T; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: chưa có; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/04/2023 đến ngày 05/05/2023 chuyển tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố N; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Ninh Bình từ ngày 14/11/2023 cho đến nay, (Có mặt)..

2. Họ và Tên: **Nguyễn Ngọc A**, (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh năm 1998, tại Phú Thọ; Nơi thường trú: khu A, xã P, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; Nơi ở trước khi bị bắt: số 194, đường N, phố Đ, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị B; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: chưa có; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/04/2023 đến ngày 05/05/2023 chuyển tạm giam.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Ninh Bình cho đến nay, (Có mặt).

3. Họ và tên: **Lại Văn T**, (Tên gọi khác: Không) ; Giới tính: Nam; Sinh năm 2002, tại Hà Nam; Nơi cư trú: số nhà 01, ngõ 15, đường H, Phố C, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lại Văn B và bà Đỗ Thị Thu H; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: chưa có; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/9/2023 tại nhà tạm giữ Công an thành phố N; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Ninh Bình từ ngày 14/11/2023 cho đến nay, (Có mặt)..

4. Họ và tên: **Nguyễn Bùi T1**, (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh năm 2003, tại Ninh Bình; Nơi thường trú: 194/3, đường Q, Tổ 3, phường Bắc Sơn, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nơi ở trước khi bị bắt: số 156, đường 30/6, phố Phúc Chính, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn K và bà Bùi Thị T; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: chưa có; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/9/2023 chuyển tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố N; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Ninh Bình từ ngày 14/11/2023 cho đến nay, (Có mặt).

5. Họ và Tên: **Lê Thị Kim O**, (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nữ; Sinh năm 1994, tại Ninh Bình; Nơi cư trú: thôn L, xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Hữu P và bà Mai Thị Hồng M; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba; Chồng (Đã ly hôn); Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: chưa có; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/9/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Ninh Bình cho đến nay, (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Trần Đức V, sinh năm 1997; địa chỉ: thôn L, xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 24/04/2023, Phạm Xuân H rủ các bạn của mình là Nguyễn Ngọc A, Trần Đức V, Nguyễn Bùi T1, Lại Văn T đến nhà H uống rượu cùng với một số người bạn của H. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, H được một người thanh niên tên Chung (không biết họ tên đệm, năm sinh, địa chỉ cụ thể, chỉ biết người tỉnh Thái Bình) là bạn quen biết xã hội gọi điện qua mạng xã hội Facebook rủ H đến quán Q-Lounge 135 thuộc phố T, phường T, thành phố N để dự sinh nhật của Chung, H đồng ý và rủ Ngọc A, V, T1, T đi cùng, tất cả đồng ý. Khi đến quán Q-Lounge 135, nhóm của H ngồi

cùng với nhóm bạn của Chung tại tầng 1 của quán để uống rượu bia nghe nhạc, lúc này người thanh niên tên Chung nói *“Đồ dưới gầm bàn ai chơi thì lấy chơi”*, lúc này H lấy 03 viên ma túy “keo” dưới gầm bàn để lên mặt bàn và sử dụng $\frac{1}{2}$ viên, $\frac{1}{2}$ viên còn lại H để trên mặt bàn. T được một người bạn của Chung đưa $\frac{1}{2}$ viên ma túy “keo” sử dụng. Ngọc A tự lấy $\frac{1}{2}$ viên ma túy “keo” trên mặt bàn sử dụng. Khi cả nhóm đang uống rượu nghe nhạc ở quán Q-Lounge 135 thì Lê Thị Kim O đi đến quán chơi và gặp H (O có mối quan hệ quen biết với H và cũng là người sử dụng ma túy tổng hợp) nên vào ngồi cùng bàn với H, một lúc sau có người bạn của Chung (không xác định được là ai) đưa cốc nước Cocacola và nói có pha ma túy “keo”, O uống 1, 2 ngụm rồi để cốc nước này trên mặt bàn. Thành cũng thấy có người thanh niên (không xác định được là ai) pha ma túy “keo” vào cốc nước Cocacola, nên lấy uống 1,2 ngụm rồi để cốc nước này trên mặt bàn. V thấy ma túy H lấy để trên mặt bàn nên tự lấy 01 viên ma túy “keo” dạng viên nén màu xám trên mặt bàn sử dụng $\frac{1}{2}$ viên, $\frac{1}{2}$ viên còn lại V để lại trên mặt bàn. Đến khoảng gần 24 giờ ngày 24/04/2023, O và V đi về trước, lúc này V lấy $\frac{1}{2}$ viên ma túy “keo” trên mặt bàn (phần còn lại của viên ma túy mà V đã sử dụng trước đó) bỏ vào ví của mình mục đích để sử dụng tiếp sau đó V mang ra xe ô tô biển kiểm soát 35A-2...35 của mình cất giấu và đi về thành phố T ngủ. Đến khoảng 01 giờ ngày 25/04/2023, Ngọc A rủ H, T, T1 về nhà mình thuê ở số 194, đường N, phố Đ, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình để tiếp tục uống bia, cả hội đồng ý và đi về nhà Ngọc A. Khi lên phòng ngủ tầng 2, H nói với Ngọc A *“Hay anh em mình góp tiền mua hai chỉ về chơi”* (ý H nói góp tiền mua 02 chỉ ma túy “ke” về để sử dụng), Ngọc A nói với H *“hai anh em mình góp thôi, hai đứa kia không còn tiền”* (ý nói T và T1 không phải góp tiền mà chỉ Ngọc A và H góp tiền mua ma túy), H đồng ý. H góp 1.000.000 đồng và nói Ngọc A góp 1.500.000 đồng, Ngọc A đồng ý và chuyển số tiền này vào tài khoản ngân hàng của H. Sau đó H liên hệ qua mạng xã hội Facebook với người phụ nữ sử dụng Facebook tên “Bùi Thị Trúc Lan” hỏi mua 02 chỉ ma túy “ke”, H xin thêm được 01 viên ma túy “keo”. H nói lại với Ngọc A thì Ngọc A nói mua thêm 01 viên ma túy “keo” nữa để Ngọc A, H, T, T1 cùng sử dụng. H đồng ý và gọi lại cho Lan hỏi mua thêm 01 viên ma túy “keo”, Lan đồng ý nói giá tiền 2.300.000 đồng và 200.000 đồng tiền ship, H cho Lan địa chỉ nhà Ngọc A, Lan cho H số tài khoản 0916.587.857 của ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội để chuyển tiền, H chuyển số tiền 2.500.000 đồng vào tài khoản do Lan cung cấp để mua ma túy. Khoảng 15 phút sau, H nhận được cuộc gọi từ số điện thoại 0866.131.850 của một người thanh niên nói xuống lấy ma túy, lúc này Ngọc A nhìn qua Camera trên máy vi tính thấy có 01 chiếc ô tô màu trắng đang đỗ trước cửa, biết là người bán ma túy đến nên Ngọc A nói với T *“em ơi xuống lấy đồ đi”*, (ý Ngọc A nói T xuống lấy ma túy) lúc này T1 biết ma túy “ke” được mang đến nên lấy 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng cùng tờ tiền 20.000 đồng cuộn hình ống và thẻ nhựa có sẵn trong phòng của Ngọc A mang vào nhà vệ sinh hơi nóng mục đích để “xào ma túy ke”. T hiểu ý Ngọc A nói

mình xuống lấy ma túy nên đi xuống tầng 1 mở cửa thì thấy có 01 ô tô màu trắng đỗ trước cửa, T đến gần xe ô tô thì có một người thanh niên đeo khẩu trang ngồi ở ghế phụ đưa cho T 01 phong bì thư, biết bên trong có ma túy nên T cầm lên phòng tầng 2 đưa cho H phong bì ma túy này. H mở phong bì ra thấy bên trong có 01 túi nilon màu trắng, miệng túi viền đỏ kích thước khoảng (4x7) cm bên trong có 02 viên ma túy “kẹo” (có đặc điểm dạng viên nén màu xám) và 02 túi ma túy “ke” (có đặc điểm túi nilon màu trắng, miệng túi viền màu xanh kích thước khoảng (2x3) cm), Hải bỏ số ma túy này ra mặt bàn máy vi tính. Sau đó H lấy 01 viên ma túy “kẹo” cắn $\frac{1}{2}$ viên sử dụng, còn lại $\frac{1}{2}$ viên H để ở mặt bàn cho T1 sử dụng, T1 hơi nóng đĩa rồi ra sử dụng $\frac{1}{2}$ viên ma túy kẹo này. Viên ma túy “kẹo” còn lại H lấy đưa cho Ngọc A, Ngọc A cầm bẻ làm 2 phần, sử dụng một phần, phần còn lại để ở bàn nói T sử dụng. T1 lấy 01 túi ma túy “ke” đổ ra đĩa xào và đưa lần lượt cho Ngọc A, T, H và bản thân sử dụng ma túy “ke” trên đĩa.

Đến khoảng 02 giờ cùng ngày, Lê Thị Kim O nhắn tin qua Facebook cho Phạm Xuân H bảo H mua 02 viên ma túy “kẹo” và 01 chỉ ma túy “ke” để H, O cùng sử dụng. H bảo O chuyển tiền, O chuyển vào tài khoản của Hải 2.000.000 đồng để H mua ma túy, sau đó H gọi điện thoại lại cho người thanh niên đã đến bán ma túy cho mình trước đó hỏi mua 02 viên ma túy “kẹo” và 01 chỉ ma túy “ke” người này đồng ý, nói giá tiền 1.600.000 đồng, H chuyển tiền vào số tài khoản trước đó Lan cho và hẹn người này mang ma túy đến địa chỉ cũ bán cho mình. Sau khi chuyển tiền và bảo H mua ma túy, O thuê xe ô tô taxi đi từ nhà đến địa chỉ nhà Ngọc A. Đến nơi O gọi điện thoại cho H thì H nói T xuống mở cửa cho O vào, T xuống mở cửa cho O lên tầng 2 thì lúc này H nhận được điện thoại của người thanh niên nói xuống cửa lấy ma túy, khi O vào phòng thì T cũng đi lên đến nơi, H nói T xuống mở cửa lấy ma túy. H nói với O “*đồ để trên bàn đấy*” - ý nói ma túy đang để trên bàn máy tính, O lấy sử dụng, O thấy trên bàn máy tính đĩa ma túy “ke” nên lấy sử dụng hết số ma túy “ke” trên đĩa, khi O sử dụng ma túy Ketamine thì cả Ngọc A, H, T1 đều biết. Sau đó T tiếp tục xuống mở cửa thì thấy chiếc xe ô tô màu trắng lúc trước mang ma túy đến đang đỗ ở cửa, T đến gần thì có người thanh niên đeo khẩu trang ngồi ở ghế phụ cạnh lái xe đưa cho 01 phong bì, T biết bên trong phong bì có ma túy nên cầm lên phòng để ở giường. H cầm phong bì đổ ra bên trong có 01 túi nilon màu trắng, miệng túi có viền màu đỏ, kích thước khoảng (4x7)cm bên trong có 02 viên ma túy “kẹo” dạng viên nén màu xám và 01 túi ma túy “ke” có đặc điểm túi nilon màu trắng, miệng túi viền màu xanh kích thước khoảng (2 x 3)cm bên trong có chất tinh thể màu trắng, H lấy 01 viên ma túy “kẹo” sử dụng một phần, phần còn lại cùng túi ma túy “ke” và 01 viên ma túy “kẹo” để ở bàn máy tính. O lấy phần còn lại viên ma túy “kẹo” mà Hải vừa sử dụng chưa hết sử dụng. Lúc này do ma túy “ke” trên đĩa sử dụng hết, T1 tiếp tục lấy 01 túi ma túy “ke” là ma túy mà Ngọc A và H góp tiền mua xào lên rồi cả nhóm cùng sử dụng.

Đến khoảng 04 giờ ngày 25/04/2023, Trần Đức V gọi điện cho H hỏi “*đang ở đâu*” thì H nói “*đang ở nhà Ngọc A lên đây*”. Sau khi H nói địa chỉ nhà của Ngọc A, V hiểu ý H nói đến nhà N Anh để sử dụng ma túy nên V đồng ý rồi điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 35A-2...35 đến nhà trọ của Ngọc A ở số 194, đường N, phố Đ, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình và đỗ xe trên vỉa hè, sau đó Lại Văn T xuống mở cửa cho V vào, lúc này V vẫn để chiếc ví chứa $\frac{1}{2}$ viên ma túy “keo” trên xe ô tô biển kiểm soát 35A-2...35. Khi V vào nhà Ngọc A và đi lên phòng trên tầng 2 lúc này trong phòng đang mở nhạc và bật đèn chóp. H nói với V “*còn keo kìa chơi đi*” V hiểu ý là còn ma túy “keo” cho V sử dụng. V lấy 01 viên ma túy “keo” (là ma túy mà O chuyển tiền để H mua) có đặc điểm dạng viên nén màu xám đang để trên bàn máy vi tính sử dụng rồi nằm nghe nhạc, một lúc sau V lấy đĩa sứ chứa ma túy “ke” (là ma túy do H và Ngọc A góp tiền mua) để trên bàn vi tính sử dụng 02 đường, rồi để đĩa lại trên bàn vi tính tiếp tục lên giường nằm nghe nhạc cùng mọi người.

Hồi 06 giờ 30 phút ngày 25/04/2023, tổ công tác Công an phường N, thành phố N tiến hành kiểm tra cư trú nhà số 194, đường N, phố Đ, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Thấy có cơ quan Công an đến kiểm tra, lo sợ bị phát hiện việc sử dụng ma túy nên Trần Đức V lấy túi ma túy “ke” (đây là ma túy O nhờ H mua) và đĩa sứ chứa ma túy “ke” trên bàn vi tính mang vào trong nhà vệ sinh trong phòng đồ và xả nước rồi để đĩa sứ lên bàn vi tính. Tại thời điểm Tổ công tác kiểm tra trong phòng có Nguyễn Ngọc A, Phạm Xuân H, Trần Đức V, Lê Thị Kim O, Nguyễn Bùi T1, Lại Văn T có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma túy. Quá trình kiểm tra, tổ công tác phát hiện trên mặt bàn để máy vi tính (trong phòng cuối tầng 2) có 01 đĩa sứ màu trắng và 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng được cuộn hình ống, đều bám dính chất tinh thể màu trắng. Tại chỗ Ngọc A, H, T, T1, O, V khai nhận đây là dụng cụ mà các đối tượng vừa dùng để sử dụng ma túy ke tại phòng.

Thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Ngọc A ở số nhà 194, đường N, phố Đ, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Quá trình khám xét thu giữ trong phòng ngủ tầng 2: Thu trong thùng rác cạnh tủ lạnh 01 túi nilon màu trắng, viền màu xanh, kích thước khoảng (2x3)cm bên trong bám dính chất tinh thể màu trắng, được niêm phong vào phong bì ký hiệu K1; Thu trên bàn máy vi tính 01 đĩa sứ màu trắng, hình trong đường kính khoảng 30 cm, trên mặt đĩa có 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng cuộn hình ống có định 2 đầu bằng vỏ đầu lọc điều thuốc lá đều bám dính chất tinh thể màu trắng, được niêm phong vào phong bì ký hiệu K2; Thu tại vị trí kê giường và bàn máy tính 02 vỏ túi nilon màu trắng, viền màu đỏ, kích thước khoảng (4x7)cm bên trong 01 túi có 01 vỏ túi nilon màu trắng viền màu xanh, kích thước khoảng (2x3)cm bên trong bám dính chất tinh thể màu trắng, được niêm phong vào phong bì ký hiệu K3; Thu 01 bộ loa màu đen gồm 01 loa to và 02 loa nhỏ trên bàn máy tính; Thu tại nền nhà 01 đèn chóp màu đen và 01 đèn chóp màu trắng; Thu giữ của Nguyễn Ngọc A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen lắp số sim

0813.579.198, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu bạc lắp sim 0385.009.183 được niêm phong vào phong bì ký hiệu K4; thu giữ của Lê Thị Kim O 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng lắp sim 0349.636.094 được niêm phong vào phong bì ký hiệu K5; thu giữ của Trần Đức V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone lắp sim 0962.712.058 được niêm phong vào phong bì ký hiệu K6; thu giữ của Phạm Xuân H 01 điện thoại di động nhãn hiệu nhãn hiệu iphone màu vàng lắp sim 0977.060.095 được niêm phong vào phong bì ký hiệu K7; thu giữ của Lại Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone màu đỏ lắp sim 0852.975.055 được niêm phong vào phong bì ký hiệu K8; thu giữ của Nguyễn Bùi T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh được niêm phong vào phong bì ký hiệu K9. Thu giữ 03 thẻ nhớ gồm 02 thẻ nhớ loại HIKVISION loại 32GB và 01 thẻ nhớ màu xanh đen có dán tem Ngọc Quân tại Camera lắp ở hành lang tầng 1, tầng 2 được niêm phong vào phong bì ký hiệu K10. Thu giữ tại phòng thứ nhất tầng 1 xe mô tô biển kiểm soát 35B3 - 048.14 của Lại Văn T, 01 đăng ký xe mô tô số 35003396 mang tên Lại Văn T. Ngoài ra Trần Đức V khai nhận V điều khiển xe ô tô Biển kiểm soát 35A-2...35 đi đến số nhà 194, đường N, phố Đ, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình, hiện ô tô Vượng đang đỗ trước cửa số nhà 194, trên xe ô tô Vượng đang cất giấu 01 mảnh viên ma túy kẹo màu xám để bên trong chiếc ví giả da màu đen để ở cần số xe ô tô mục đích để sử dụng cho bản thân. Cơ quan điều tra tiến hành khám xét xe ô tô biển kiểm soát 35A-2...35 thu giữ tại vị trí cần số của xe ô tô 01 ví giả da màu đen bên trong có 01 căn cước công dân số 037097004108 và 01 giấy phép lái xe số 370165005427 đều mang tên Trần Đức V; 01 mảnh viên dạng nén màu xám được niêm phong vào phong bì ký hiệu K11. Thu tại vị trí hộp đựng đồ phía trước 01 giấy biên nhận giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đang thế chấp giữa ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng với Trần Đức V ngày 24/10/2022, đồng thời thu giữ xe ô tô Biển kiểm soát 35A-2...35. Sau khi khám xét tổ công tác tiến hành thu giữ niêm phong các vật chứng theo đúng quy định, sau đó đưa các đối tượng về trụ sở cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố N để làm việc. Tại cơ quan điều tra bị can Phạm Xuân H, Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Bùi T1, Lại Văn T, Lê Thị Kim O đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, ngoài ra Phạm Xuân H, Nguyễn Ngọc A còn viết đơn xin đầu thú hành vi phạm tội trước cơ quan điều tra.

Tiến hành xét nghiệm ma túy đối với Phạm Xuân H, Nguyễn Ngọc A, Lại Văn T, Nguyễn Bùi T1, Lê Thị Kim O, Trần Đức V kết quả tất cả đều dương tính với ma túy MDMA và ma túy Ketamine.

Ngày 28/04/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N ra quyết định trưng cầu giám định chất tinh thể màu trắng bám dính trong túi nilon được niêm phong trong phong bì ký hiệu K1; chất tinh thể màu trắng bám dính trên đĩa sứ và tờ tiền 20.000 đồng niêm phong trong phong bì ký hiệu K2; chất tinh thể màu trắng bám dính trong túi nilon niêm phong trong phong bì ký hiệu K3.

Tại bản Kết luận giám định số 354 ngày 05/05/2023 của phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: Chất tinh thể màu trắng bám dính trên mặt đĩa sứ hình tròn màu trắng và trên tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng được cuộn tròn trong mẫu gửi giám định ký hiệu K2 đều là ma túy loại Ketamine; Chất dạng tinh thể màu trắng bám dính trong hai túi nilon gửi giám định ký hiệu K1, K3 đều là ma túy loại Ketamine (*Ketamine là chất ma túy thuộc bảng Danh mục III, số thứ tự 40; Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.*)

Sau khi giám định cơ quan giám định hoàn lại đối tượng giám định cho cơ quan điều tra gồm: 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng trong mẫu ký hiệu K2 cùng vỏ bao gói niêm phong, được niêm phong trong một túi niêm phong “Mẫu vật hoàn trả sau giám định” có ghi số 354/KL-KTHS-MT; 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng trong mẫu ký hiệu K2 được niêm phong trong một túi niêm phong “Mẫu vật hoàn trả sau giám định” có ghi số 354/KL-KTHS-MT; 01 túi nilon ký hiệu K1 cùng vỏ bao gói niêm phong được niêm phong trong một túi niêm phong “Mẫu vật hoàn trả sau giám định” có ghi số 354/KL-KTHS-MT; 01 túi nilon ký hiệu K3 cùng vỏ bao gói niêm phong được niêm phong trong một túi niêm phong “Mẫu vật hoàn trả sau giám định” có ghi số 354/KL-KTHS-MT.

Tại bản Cáo trạng số 136/CT-VKSNDTPNB ngày 18/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, đã truy tố các bị cáo Phạm Xuân H, Nguyễn Ngọc A, Lại Văn T, Nguyễn Bùi T1 và Lê Thị Kim O về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Theo điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự (BLHS) đối với Phạm Xuân H, Nguyễn Ngọc A, Lại Văn T và Nguyễn Bùi T1. Theo khoản 1, khoản 5 Điều 255 BLHS đối với Lê Thị Kim O.

Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến hay khiếu nại gì về bản kết luận giám định số 354/KL-KTHS-MT ngày 05/05/2023 của phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo không thay đổi bổ sung gì và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Phạm Xuân H, Nguyễn Ngọc A, Lại Văn T, Nguyễn Bùi T1 và Lê Thị Kim O phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS;

Xử phạt bị cáo Phạm Xuân H từ 07 năm đến 07 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/04/2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc A từ 07 năm đến 07 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/04/2023.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54 BLHS; Xử phạt bị cáo Lại Văn T từ 06 năm đến 06 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/9/2023.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1 Điều 51; **khoản 1, khoản 2 Điều 54** BLHS; Xử phạt bị cáo Nguyễn Bùi T1 từ 04 năm đến từ 04 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/9/2023.

- Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim O từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/9/2023.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS; Khoản 2 Điều 106 BLTTHS;

- Tịch thu tiêu hủy: các vỏ túi nilon, phong bì niêm phong ban đầu 01 đĩa sứ màu trắng

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen lắp sim số 0813.279.198; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng lắp sim số 0349.636.094; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng lắp sim số 0977.060.095; 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng;

- Trả lại cho: Nguyễn Ngọc A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu bạc lắp sim số 0358.009.183; 01 bộ loa màu đen gồm 01 loa to và 02 loa nhỏ; 01 đèn chớp màu đen và 01 đèn chớp màu trắng; 03 thẻ nhớ gồm 02 thẻ nhớ loại Hikvision loại 32 GB và 01 thẻ nhớ màu xanh dán tem Ngọc Cường.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người liên quan đến vụ án; phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ như: biên bản kiểm tra cư trú, biên bản khám xét, biên bản niêm phong đồ vật, vật chứng thu giữ; kết luận giám định số 354/KL-KTHS-MT ngày 05/05/2023 của phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Ninh Bình; Biên bản xét nghiệm ma túy bằng phương pháp thử nhanh đối với Phạm Xuân H, Nguyễn Ngọc A, Lại Văn T, Nguyễn Bùi T1, Lê Thị Kim O, Trần Đức V kết quả tất cả đều dương tính với ma túy MDMA và ma túy Ketamine.

Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ 01 giờ đến 06 giờ 30 phút ngày 25/04/2023 tại nhà thuê trọ của Nguyễn Ngọc A ở số 194, đường N, phố Đ, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Phạm Xuân H, Nguyễn Ngọc A, Lại Văn T, Nguyễn Bùi T1, Lê Thị Kim O đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cụ thể:

Đối với Phạm Xuân H đã có hành vi bàn bạc, thống nhất góp tiền cùng Nguyễn Ngọc A để Hải mua 02 viên ma túy kẹo và 02 chỉ ma túy Ketamine sau đó tại phòng ngủ tầng 2 nhà thuê trọ của Ngọc Anh thì Hải cùng với Nguyễn Ngọc A, Lại Văn T, Nguyễn Bùi T1 mỗi người sử dụng $\frac{1}{2}$ ma túy “kẹo” và cùng nhau sử dụng ma túy “ketamine”, đến khi Lê Thị Kim O và Trần Đức V đến nhà thuê trọ của Nguyễn Ngọc A thì được sử dụng số ma túy Ketamine do Hải và Ngọc Anh góp tiền mua. Đồng thời Hải còn có hành vi mua hộ cho Lê Thị Kim O 02 viên ma túy “kẹo” và 01 chỉ ma túy “ketamine” mục đích để cùng nhau sử dụng. Tại nhà thuê trọ của Nguyễn Ngọc A, Hải và Oanh mỗi người sử dụng $\frac{1}{2}$ viên ma túy “kẹo”, còn 01 viên ma túy kẹo còn lại sau khi Trần Đức V đến nhà Ngọc Anh thì Hải nói Vượng lấy sử dụng hết.

Đối với Nguyễn Ngọc A có hành vi cung cấp địa điểm nhà thuê trọ của mình để sử dụng ma túy, cung cấp công cụ sử dụng ma túy Ketamine, bàn bạc thống nhất với Phạm Xuân H góp tiền mua 02 chỉ ma túy “ketamine” và 02 viên ma túy “kẹo” để cùng sử dụng với Phạm Xuân H, Lại Văn T, Nguyễn Bùi T1, đồng thời khi Lê Thị Kim O, Trần Đức V đến nhà thuê trọ của Ngọc Anh thì được sử dụng ma túy Ketamine do Ngọc Anh và Hải góp tiền mua cũng như để Oanh, Vượng sử dụng ma túy Kẹo tại nơi ở của mình.

Đối với Lại Văn T có hành vi giúp sức cho Nguyễn Ngọc A, Phạm Xuân H lấy ma túy Kẹo, ma túy Ketamine từ người thanh niên bán ma túy mang lên phòng ngủ tầng 2 nhà thuê trọ của Nguyễn Ngọc A để cùng Nguyễn Ngọc A, Phạm Xuân H, Nguyễn Bùi T1 sử dụng ma túy Kẹo, ma túy Ketamine với nhau. Khi Lê Thị Kim O và Trần Đức V đến phòng Ngọc Anh thì được sử dụng ma túy Ketamine do Ngọc Anh và Phạm Xuân H góp tiền mua, cũng như Oanh và Vượng sử dụng ma túy Kẹo do Hải bảo Trà lấy từ người thanh niên bán ma túy mang lên đưa cho Hải, số ma túy này do Oanh chuyển tiền cho Hải mua.

Đối với Nguyễn Bùi T1 đã có hành vi chuẩn bị đĩa sứ, thẻ nhựa, tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng có sẵn ở trong phòng ngủ của Ngọc Anh để làm công cụ cho Thành, Nguyễn Ngọc A, Phạm Xuân H, Lại Văn T sử dụng ma túy Ketamine, khi Lê Thị Kim O đến và sử dụng ma túy “ketamine” trên đĩa, Thành thấy ma túy “ketamine” trên đĩa hết nên tiếp tục lấy túi ma túy “ketamine” còn lại do Hải và Ngọc Anh góp tiền mua để trên bàn vì tính và mang đi xào với mục đích để bản thân sử dụng và những người khác sử dụng. Khi xào ma túy ketamine xong Thành tiếp tục cùng với Phạm Xuân H, Nguyễn Ngọc A, Lại Văn T, Lê Thị Kim O sử dụng, sau đó Thành đi ngủ. Đến khoảng 04 giờ ngày 25/04/2023 Trần Đức V đến tiếp tục sử dụng ma túy “ke” trên đĩa

xử do Thành xào.

Đối với Lê Thị Kim O có hành vi bàn bạc với Phạm Xuân H để Hải mua 02 viên ma túy “kẹo” và 01 chỉ ma túy “ketamine” mục đích để Oanh cùng với Hải sử dụng. Do H đang ở nhà Nguyễn Ngọc A sử dụng ma túy, nên H cho địa chỉ nhà của Ngọc A để O đến sử dụng ma túy cùng mình luôn. Quá trình ở phòng của Ngọc A thì O thấy có ma túy Ketamine, ma túy Kẹo ở bàn vi tính, bản thân O xác định có cả ma túy Kẹo, ma túy Ketamine của mình nhờ H mua và có ý thức để mọi người trong phòng sử dụng cùng. Tại phòng Ngọc A thì O được sử dụng ma túy Ketamine do H và Ngọc A góp tiền mua, cũng như sử dụng ½ viên ma túy kẹo O bảo H mua, ½ viên ma túy kẹo còn lại H sử dụng hết và để Trần Đức V sử dụng 1 viên ma túy kẹo do O chuyển tiền cho H mua.

- Do đó, hành vi của các bị cáo Phạm Xuân H, Nguyễn Ngọc A, Lại Văn T, Nguyễn Bùi T1 đã phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp “Đối với 02 người trở lên”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS. Hành vi của bị cáo Lê Thị Kim O đã phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 255 BLHS

Điều 255. Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy

1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

.....

b) Đối với 02 người trở lên;

.....

5. Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, trách nhiệm hình sự đồng thời biết rất rõ tác hại của ma túy và việc mua bán, tàng trữ, sử dụng ma túy bị nghiêm cấm nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự, thấy: hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại bản Cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội các bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên toà là có căn cứ.

Vai trò trách nhiệm của từng bị cáo được xác định như sau:

- Đối với Phạm Xuân H và Nguyễn Ngọc A đã có hành vi bàn bạc, thống nhất góp tiền để H mua ma túy; Ngọc A có hành vi cung cấp địa điểm nhà thuê trọ của mình, cung cấp công cụ để sử dụng ma túy; sau đó tại phòng ngủ tầng 2 nhà thuê trọ của Ngọc A thì H cùng với Ngọc A, T, T1 cùng nhau sử dụng ma túy, đến khi O và V

đến nhà thuê trọ của Ngọc A thì được sử dụng số ma túy do H và Ngọc A góp tiền mua. Do đó trong vụ án này H và Ngọc A có vai trò như nhau.

- Đối với Lại Văn T và Nguyễn Bùi T1, phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức không dó sự bàn bạc góp tiền mua ma túy cùng cùng H và Ngọc A; trong đó T có hành vi giúp sức cho Ngọc A, H lấy ma túy từ người thanh niên bán ma túy mang lên phòng ngủ tầng 2; T1 đã có hành vi chuẩn bị đĩa sứ, thẻ nhựa, tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng có sẵn ở trong phòng ngủ của Ngọc A để làm công cụ và xào ma túy để Ngọc A, H, T và T1 sử dụng ma túy với nhau. Khi Kim O và V đến phòng Ngọc A thì được sử dụng ma túy do Ngọc A và H góp tiền mua; Do đó, T và T có vai trò sau H và Ngọc A.

- Đối với Lê Thị Kim O có hành vi bàn bạc với H để Hải mua 02 viên ma túy mục đích để O cùng với H sử dụng và để V sử dụng ma túy do O chuyển tiền cho Hải mua; Do đó, trong vụ án bị cáo có vai trò cuối cùng.

* Về nhân thân các bị cáo: các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự;

* Về tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; các bị cáo Hải, Ngọc Anh quá trình điều tra xin đầu thú hành vi phạm tội nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS. Đối với bị cáo Nguyễn Bùi T1 trong quá trình điều tra bị cáo đã tích cực cộng tác với Cơ quan Công an, cung cấp nhiều thông tin có giá trị, giúp cho cơ quan CSĐT Công an thành phố N bắt giữ 01 vụ án về ma túy, ngày 17/9/2023 bắt giữ 01 đối tượng phạm tội ”tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” phức tạp trên địa bàn thành phố N, thu giữ 10,7845 gam ma túy Ketamine và 0,3996 gam ma túy MDMA. Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án” được quy định tại các điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

* Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo không có.

Cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt, tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của từng bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo Lại Văn T phạm tội với vai trò giúp sức trong vụ án đồng phạm và có vai trò không đáng kể; do đó khi quyết định hình phạt cần áp dụng khoản 2 Điều 54 BLHS để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Bùi T1 bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 BLHS, đồng thời phạm tội với vai trò giúp sức trong vụ án đồng phạm và có

vai trò không đáng kể; do đó khi quyết định hình phạt cần áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 54 BLHS để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo.

* Về hình phạt bổ sung: các bị cáo phạm tội không nhằm mục đích thu lợi vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[3]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với các vỏ túi nilon, 01 đĩa sứ màu trắng thu giữ khi khám xét nhà trọ của Ngọc A và các phong bì niêm phong ban đầu không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen lắp sim số 0813.279.198 thu giữ của Ngọc A; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng lắp sim số 0977.060.095 thu của H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng lắp sim số 0349.636.094 thu giữ của O và 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu bạc lắp sim số 0358.009.183 thu giữ của Ngọc A; 01 bộ loa màu đen gồm 01 loa to và 02 loa nhỏ; 01 đèn chớp màu đen và 01 đèn chớp màu trắng; 03 thẻ nhớ không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo cần trả lại cho Nguyễn Ngọc A.

[4] Về các vấn đề khác:

- Đối với 01 mảnh viên dạng nén màu xám có khối lượng 0,245 gam V khai là ma túy kẹo, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone lắp sim 0962.712.058, 01 xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Grand I10 biển kiểm soát 35A-2...35 thu giữ của Trần Đức V, quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N tách phần tài liệu liên quan đến Trần Đức V để khởi tố vụ án; khởi tố bị can đối với Trần Đức V về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy để điều tra ở một vụ án khác.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng bạc lắp sim số 0852.975.055; 01 xe mô tô biển kiểm soát 35B3-048.14, 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 35B3-048.14 thu giữ của Lại Văn T, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của Lại Văn T, không liên quan đến vụ án. Ngày 11/9/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã ra quyết định trả lại số đồ vật, tài sản trên cho Lại Văn T là đúng quy định.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, máy không lắp sim thu giữ của Nguyễn Bùi T1, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của Nguyễn Bùi T1, không liên quan đến vụ án. Ngày 11/9/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã ra quyết định trả lại chiếc điện thoại trên cho Nguyễn Bùi T1 là đúng quy định.

- Đối với Trần Đức V: Khoảng hơn 04 giờ ngày 25/4/2023 Vượng gọi điện cho Phạm Xuân H hỏi đang ở đâu thì được Hải rủ đến nhà của Nguyễn Ngọc A để sử dụng ma túy cùng. Tại đây Vượng sử dụng 01 viên ma túy “kẹo” sau đó tiếp tục sử

dụng ma túy “ke” cùng nhóm của Hải. Quá trình điều tra xác định Vương không thực hiện hành vi đồng phạm với các bị can trong vụ án này. Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Trần Đức V đã vi phạm vào Khoản 1, Điều 23, Nghị định số 144 ngày 31/12/2021 của Chính phủ. Công an thành phố N đã ra Quyết định xử phạt vi phạm chính, phạt Cảnh cáo với Trần Đức V về hành vi này.

- Đối với người thanh niên tên Chung mời Phạm Xuân H đến quán Q-Lounge 135 dự sinh nhật, quá trình điều tra Hải khai nhận sau khi được Chung mời, Hải rủ Nguyễn Ngọc A, Nguyễn Bùi T1, Lại Văn T, Trần Đức V cùng đến quán Q-Lounge 135, tại đây Chung nói có ma túy “keo” dưới gầm bàn ai sử dụng thì lấy. Hải sử dụng ½ viên ma túy “keo”, O và T1 sử dụng ma túy “keo” trong nước Cocacola, T1 được một người nam giới (bạn của Chung) đưa ½ viên ma túy “keo” sử dụng, V1 thấy ma túy trên bàn tự lấy sử dụng. H1 khai nhận chỉ biết người này tên Chung, nhà ở tỉnh Thái Bình, liên lạc với Chung qua mạng xã hội Facebook, sau khi gọi H1 đã xóa liên lạc facebook với Chung, H1 không biết số điện thoại, lai lịch cụ thể của Chung ở đâu, do đó cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh, làm rõ người thanh niên tên Chung như H1 đã khai cũng như hành vi cung cấp ma túy của Chung cho nhóm Phạm Xuân H sử dụng tại quán Q-Lounge 135 ở phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Đối với người phụ nữ sử dụng số điện thoại 0337.733.137 và nick Facebook “Bùi Thị Trúc Lan” mà Phạm Xuân H gọi điện để mua ma túy Kẹo, ma túy Ke, quá trình điều tra xác minh chủ thuê bao số điện thoại trên là Bùi Thị L, sinh năm 2000, trú tại thôn C, xã Y, huyện M, tỉnh Ninh Bình. Cơ quan điều tra làm việc với Bùi Thị L, L khai nhận trước đây có sử dụng số điện thoại 0337.733.137 và làm thủ tục đăng ký tên mình, khoảng đầu năm 2023 L không sử dụng số điện thoại này nữa và nick Facebook mang tên “Bùi Thị Trúc L” là của Lan nhưng do bị hack mất nick này nên L không sử dụng. Bùi Thị L khai ngày 25/04/2023 Lan không bán ma túy, không giới thiệu ai bán ma túy “keo, ke” cho Phạm Xuân H. Quá trình điều tra Phạm Xuân H và Bùi Thị L khai nhận có quan hệ quen biết với nhau, ngày 25/04/2023, Phạm Xuân H gọi điện cho L nhưng không xác định được giọng nói trong điện thoại mà mình nói chuyện để mua ma túy có phải là L không. Với tài liệu điều tra thu thập được cơ quan điều tra không có căn cứ xác định ngày 25/04/2023, Bùi Thị L có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Phạm Xuân H như H khai báo.

- Đối với người thanh niên sử dụng số điện thoại 0866.131.850 gọi điện thoại nói Phạm Xuân H xuống lấy ma túy: Quá trình điều tra xác minh chủ thuê bao số điện thoại trên là Công ty trách nhiệm hữu hạn Tâm Nguyên Thủy, địa chỉ số 34/25/6/6, đường số 9, khu phố 5, phường Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Cơ quan điều tra ủy thác cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh xác minh kết quả: Chị Lê Thị T, sinh năm 1989, trú tại địa chỉ số 34/25/6/6, đường số 9, khu phố 5, phường Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh hiện làm giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Tâm

Nguyễn Thủy. Chị T cung cấp thông tin Công ty trách nhiệm hữu hạn Tâm Nguyễn Thủy của chị không đăng ký, không sử dụng, không bán, không đăng ký hộ và không biết ai hiện đang quản lý và sử dụng số điện thoại 0866.131.850. Quá trình điều tra Lại Văn T khai nhận là người trực tiếp gặp người nam giới bán ma túy, nhưng người này đeo khẩu trang nên T không xác định được đó là ai, T không biết biển kiểm soát xe ô tô mà người này đi. Với tài liệu điều tra thu thập được cơ quan điều tra không đủ căn cứ tiếp tục xác minh về người thanh niên bán ma túy này.

- Đối với số tài khoản 0916.587.857 của ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội mà Phạm Xuân H khai nhận được người phụ nữ tên Lan cung cấp để chuyển tiền mua ma túy, cơ quan điều tra xác minh chủ số tài khoản tại ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội chi nhánh thành phố N xác định chủ tài khoản là Lê Văn Cảnh, sinh ngày 19/9/1990, trú tại số nhà 03, ngõ 52, đường Đông Phương Hồng, phường Đông Thành, thành phố N. Cơ quan điều tra đã nhiều lần xác minh, triệu tập anh Lê Văn Cảnh để làm việc nhưng anh Cảnh không có mặt tại địa phương đi đâu làm gì gia đình và chính quyền địa phương không rõ. Do đó cơ quan điều tra tách phần tài liệu có liên quan để tiếp tục xác minh làm rõ sau nếu có căn cứ sẽ đề nghị xử lý sau.

- Quá trình điều tra xác định bị can Lê Thị Kim O sinh ngày 17/10/1994 và có con là Lê Thị K Trang sinh ngày 14/9/2010, thời điểm bị cáo có thai và sinh con chưa đủ 16 tuổi là có dấu hiệu của tội phạm giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi quy định tại điều 145 Bộ luật hình sự, tuy nhiên quá trình điều tra bị cáo O khai nhận vào năm 2010, O thường xuyên đi chơi với bạn bè quen qua mạng xã hội và có quan hệ tình dục tự nguyện với người khác giới, nhưng O không nhớ đã quan hệ tình dục với ai, không rõ tên, tuổi địa chỉ, không nhớ quan hệ tình dục ở đâu và thời gian nào nên không biết ai là bố cháu Lê Thị Kiều Trang. O có chồng là anh Nguyễn Văn Quyết sinh năm 1991 trú tại phường Tân Bình, thành phố T, tỉnh Ninh Bình nhưng đã ly hôn, O và anh Quyết không có con chung với nhau, cháu Trang là con riêng của O, do đó cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh điều tra làm rõ nội dung này.

[5]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với đối với Phạm Xuân H và Nguyễn Ngọc A;

- Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với Lại Văn T;

- Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Bùi T1

- Khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Lê Thị Kim O;

1. Tuyên bố: các bị cáo Phạm Xuân H, Nguyễn Ngọc A, Lại Văn T, Nguyễn Bùi T1 và Lê Thị Kim O phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

1.1. Xử phạt bị cáo Phạm Xuân H 07 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/04/2023.

1.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc A 07 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/04/2023.

1.3. Xử phạt bị cáo Lại Văn T 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/9/2023.

1.4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Bùi T1 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/9/2023.

1.5. Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim O 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/9/2023.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

2.1. Tịch thu tiêu hủy: các vỏ túi nilon, 01 đĩa sứ màu trắng và các phong bì niêm phong ban đầu.

2.2. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen lắp sim số 0813.279.198; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng lắp sim số 0349.636.094; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng lắp sim số 0977.060.095 và 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng;

2.3. Trả lại cho: Nguyễn Ngọc A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu bạc lắp sim số 0358.009.183; 01 bộ loa màu đen gồm 01 loa to và 02 loa nhỏ; 01 đèn chớp màu đen và 01 đèn chớp màu trắng; 03 thẻ nhớ.

(Chi tiết vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30/11/2023 giữa Cơ quan CSĐT công an thành phố N, tỉnh Ninh Bình và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Ninh Bình).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án: Buộc các bị cáo Phạm Xuân H, Nguyễn Ngọc A, Lại Văn T, Nguyễn Bùi T1 và Lê Thị Kim O, mỗi bị cáo phải nộp là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo:

- Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Anh Vượng vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; (05 bản)
 - Người có QLNVLQ; (01 bản)
 - TAND tỉnh Ninh Bình; (01 bản)
 - VKSND tỉnh Ninh Bình; (01 bản)
 - VKSND thành phố N; (02 bản)
 - Công an thành phố N; (01 bản)
 - THA.DS thành phố N; (01 bản)
 - Thi hành án HS; (05 bản)
 - Trại tạm giam; (01 bản)
 - Sở Tư pháp Ninh Bình; (01 bản)
 - Lưu (hồ sơ, VP); (03 bản)
- (Thông báo cho chính quyền địa phương)*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bình

